

Số: 129.3/2021/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CP ĐỊA CHÍNH VÀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã tiến hành kiểm tra việc lập và trình bày Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty CP Địa chính và Tài nguyên môi trường được lập từ trang 06 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính xem có đúng mẫu quy định hay không.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính mà không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về việc Báo cáo tài chính có được lập và trình bày theo đúng hướng dẫn quy định hay không dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính của Công ty được lập đúng quy định hiện hành về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục kiểm tra các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính có được lập theo đúng quy định hay không. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên quy định, bao gồm việc trình bày các chỉ tiêu trong báo cáo tài chính. Khi thực hiện kiểm tra, Kiểm toán viên đã xem xét các số liệu của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chỉ tiêu, chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm tra việc lập Báo cáo tài chính theo mẫu quy định mà chúng tôi thực hiện là đầy đủ và thích hợp.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính của Công ty CP Địa chính và Tài nguyên môi trường tại ngày 31/12/2020 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Thị Kim Anh

Phó Tổng Giám đốc

GCN Đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1367-2020-111-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ
VẤN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH CHÂU Á**

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021

Đỗ Thị Phương Hoa

Kiểm toán viên

GCN Đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0805-2020-111-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 - DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		103.114.139.685	109.706.036.761
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.093.924.866	1.908.879.849
1. Tiền	111	V.1.	4.093.924.866	1.908.879.849
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		68.638.002.722	77.548.967.263
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	63.312.195.008	77.058.604.710
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.	1.284.985.850	52.492.250
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4.	4.040.821.864	437.870.303
IV. Hàng tồn kho	140		30.358.127.167	30.237.635.581
1. Hàng tồn kho	141	V.5.	30.358.127.167	30.237.635.581
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		24.084.930	10.554.068
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		17.569.558	10.554.068
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		6.515.372	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		15.435.735.389	11.307.959.821
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		12.890.334.515	7.358.804.785
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6.	12.879.701.179	7.337.538.117
- Nguyên giá	222		21.218.733.039	21.982.959.479
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(8.339.031.860)	(14.645.421.362)
3. Tài sản cố định vô hình	227		10.633.336	21.266.668
- Nguyên giá	228		172.498.000	172.498.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(161.864.664)	(151.231.332)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.545.400.874	3.949.155.036
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.545.400.874	3.949.155.036
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		118.549.875.074	121.013.996.582

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		104.327.211.360	106.859.372.592
I. Nợ ngắn hạn	310		100.058.098.004	105.899.372.577
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8.	1.765.647.080	4.796.606.802
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9.	26.143.869.229	11.962.002.494
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.7.	3.121.769.453	7.907.222.047
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		19.466.700	19.466.700
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10.	9.666.594.059	10.534.690.342
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11.	59.333.840.291	70.632.473.000
12. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		6.911.192	46.911.192
II. Nợ dài hạn	330		4.269.113.356	960.000.015
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	3
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11.	4.269.113.356	960.000.012
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.12.	14.222.663.714	14.154.623.990
I. Vốn chủ sở hữu	410		14.222.663.714	14.154.623.990
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		13.350.000.000	13.350.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		13.350.000.000	13.350.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		303.081.512	303.081.512
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		569.582.202	501.542.478
- LNST chưa phân phối LK đến cuối kỳ trước	421a		-	222.968.409
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		569.582.202	278.574.069
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		118.549.875.074	121.013.996.582

Người lập


Phạm Văn Chiến

Kế toán trưởng


Mai Thu Hằng

Hà Nội, ngày tháng năm 2021



Tổng Giám đốc
Nguyễn Đức Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2020

Mẫu B 02 - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số năm nay		Số năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	01	VI.1.	70.808.072.127		67.325.538.844	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1.	-		-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và và cung cấp dịch vụ	10		70.808.072.127		67.325.538.844	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	56.605.815.244		56.106.169.593	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.202.256.883		11.219.369.251	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	4.875.595		4.556.302	
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	493.461.643		245.974.636	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		493.461.643		245.974.636	
8. Chi phí bán hàng	25		-		-	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		10.719.258.125		10.558.943.371	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	30		2.994.412.710		419.007.546	
11. Thu nhập khác	31	VI.5.	110.905.073		13.636.364	
12. Chi phí khác	32	VI.6.	36.892.136		67.541.059	
13. Lợi nhuận khác	40		74.012.937		(53.904.695)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.068.425.647		365.102.851	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7.	432.187.566		86.528.782	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-		-	
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.636.238.081		278.574.069	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1.975		209	

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Văn Chiến

Mai Thu Hằng



Nguyễn Đức Việt

Phạm Văn Chiến

Mai Thu Hằng